

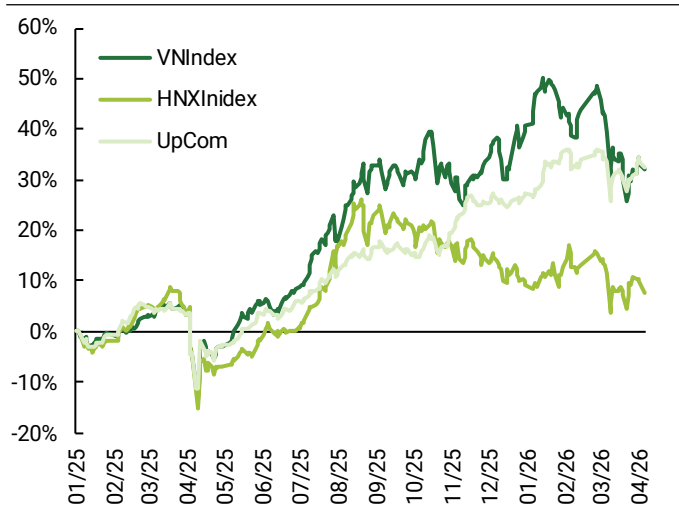
VN-Index **1674.99 (-0.54%)**
719 Tr. cổ phiếu 17958.1 Tỷ VND (-15.34%)

HNX-Index **245.03 (-1.47%)**
60 Tr. cổ phiếu 1144.1 Tỷ VND (1.31%)

UPCOM-Index **125.83 (-0.55%)**
30 Tr. cổ phiếu 357.5 Tỷ VND (-58.70%)

VN30F1M **1845.30 (0.54%)**
268,320 HD OI: 42,741 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1675.0, giảm -9.1 điểm (-0.54%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Dòng tiền tiếp tục phân hóa trước bối cảnh địa chính trị chưa rõ ràng. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (+1.9%), HAH (+2.2%), GEX (+3.1%) | Du lịch và Giải trí: VJC (+1.4%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: HDG (-4.8%), QCG (-4.8%), TCH (-4.2%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (-3.4%), HAG (-2.8%), DBC (-2.2%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GEG (-5.1%), NT2 (-3.1%) | Tài nguyên Cơ bản: KSB (-3.1%), DHC (-2.2%) | Dịch vụ tài chính: FTS (-2.7%), VIX (-2.2%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | LPB, VIC, VCB, BID, VNM - Chiều giảm | VHM, BSR, TCB, GAS, BVH.
Khối ngoại Bán ròng hơn 100 tỷ đồng, tập trung nhiều ở TCB, MBB, HDB, trong khi mua ròng VIC, GEX, VNM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Shooting Star, tiếp tục cho thấy lực cung chiếm ưu thế. Thanh khoản giảm về mức thấp hàm ý chiều mua thận trọng. Đáng chú ý, nhóm vốn hóa lớn đang luân phiên nâng đỡ chỉ số, trong khi mặt bằng cổ phiếu ghi nhận mức điều chỉnh sâu hơn. Số mã đánh mất xu hướng cũng gia tăng mạnh. Phần trăm số cổ phiếu trên MA20 ngày đã giảm về cận ngưỡng 30%, trong khi số cổ phiếu trên MA50 ngày giảm về dưới ngưỡng 20%, mức khá thấp. Điều này cho thấy độ rộng thị trường thu hẹp đáng kể. Chỉ số có thể nhận được lực đỡ từ khu vực 1660 điểm, tuy nhiên, nếu việc phòng thủ thất bại, sẽ gia tăng khả năng kiểm định lại mốc tâm lý 1600 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số cũng chịu chi phối bởi lực cung và lùi về vùng hỗ trợ quanh 245 – 248. Giao dịch khả năng trở lại giằng co tại đây. Nếu đánh mất ngưỡng 245, đà giảm có thể tìm về khu vực đáy cũ quanh ngưỡng 235 - 238.
- **Chiến lược:** Trong bối cảnh dòng tiền phân hóa và chỉ số phát tín hiệu nhiễu, trọng tâm nên chuyển sang quản trị danh mục theo diễn biến của từng cổ phiếu cụ thể. Theo dõi tín hiệu kiểm định hỗ trợ, nếu chưa vi phạm, NĐT có thể tiếp tục nắm giữ. Trái lại, nếu xuất hiện dấu hiệu sập gãy, nên cơ cấu dứt khoát, tránh việc mua bình quân giá. Chiều mua mới hoặc gia tăng tỷ trọng cần kiên nhẫn chờ đợi mẫu hình đảo chiều xác nhận.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Cắt lỗ GEG (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,675.0 ▼	-0.5%	0.7%	-5.3%	17,958.1 ▼	-15.3%	-16.6%	-46.7%	719.1 ▼	-13.0%	-12.9%	-30.3%
HNX-Index	245.0 ▼	-1.5%	-2.2%	-3.4%	1,144.1 ▲	1.3%	-23.4%	-54.4%	59.7 ▼	-5.4%	-21.6%	-43.6%
UPCOM-Index	125.8 ▼	-0.6%	0.8%	-0.8%	357.5 ▼	-58.7%	-52.4%	-70.2%	29.6 ▼	-34.6%	-29.5%	-65.5%
VN30	1,836.3 ▼	-0.1%	1.3%	-3.6%	9,358.8 ▼	-16.4%	-11.5%	-50.0%	265.8 ▼	-12.4%	-18.9%	-42.0%
VNMID	2,115.9 ▼	-1.2%	-3.0%	-3.9%	7,082.2 ▼	-15.1%	-23.1%	-42.3%	322.0 ▼	-15.4%	-18.3%	-28.8%
VNSML	1,389.8 ▼	-1.2%	-1.7%	-5.3%	881.5 ▼	-4.5%	-19.5%	-46.6%	63.6 ▼	-5.0%	-19.6%	-32.5%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	608.2 ➡	0.0%	-1.31%	-5.5%	5,133.2 ▼	-0.31%	-16.9%	-31.0%	185.8 ▼	-15.6%	-31.5%	-39.7%
Bất động sản	726.5 ▼	-0.5%	7.1%	0.3%	2,667.9 ▼	-27.5%	-41.4%	-36.9%	121.0 ▼	-13.9%	-18.4%	-23.4%
Dịch vụ tài chính	307.0 ▼	-1.1%	-0.4%	-7.7%	2,664.7 ▼	-17.4%	-19.8%	-38.3%	127.6 ▼	-13.4%	-14.8%	-30.1%
Công nghiệp	271.6 ▲	1.0%	1.3%	-3.3%	1,090.7 ▲	6.2%	-23.9%	-37.5%	27.3 ▲	7.7%	-20.2%	-45.7%
Tài nguyên cơ bản	525.0 ➡	0.5%	0.3%	-4.1%	1,167.2 ▲	14.1%	-3.0%	-18.2%	47.3 ▲	9.6%	-6.5%	-22.1%
Xây dựng - Vật Liệu	174.0 ▼	-1.4%	-1.6%	-3.8%	1,000.8 ▼	-32.3%	-31.5%	-38.7%	49.2 ▼	-32.1%	-27.5%	-34.8%
Thực phẩm	497.7 ▼	0.0%	-9.5%	-36.2%	986.0 ▼	-2.6%	-22.1%	-42.6%	23.1 ▼	-4.4%	-21.0%	-40.4%
Bán Lẻ	1,477.0 ▼	-1.5%	-2.5%	-8.1%	684.0 ▼	-11.7%	-7.0%	-39.6%	9.6 ▼	-5.3%	-2.2%	-38.9%
Công nghệ	400.0 ▼	-0.2%	-2.5%	-14.1%	368.0 ▼	-24.1%	-37.8%	-66.7%	7.6 ▲	10.1%	-12.5%	-51.2%
Hóa chất	174.8 ▼	-2.6%	-0.6%	-22.3%	578.1 ▼	-32.4%	-34.9%	-64.4%	16.1 ▼	-20.3%	-32.3%	-60.3%
Tiện ích	746.4 ▼	-1.2%	-3.3%	-23.9%	371.9 ▼	-39.5%	-41.5%	-60.5%	17.1 ▼	-35.0%	-33.9%	-55.1%
Dầu khí	103.8 ▼	-4.3%	-4.6%	-29.0%	602.5 ▲	12.4%	-27.6%	-58.9%	19.8 ▲	14.2%	-26.5%	-50.0%
Dược phẩm	439.4 ▼	-0.9%	0.3%	-0.9%	11.0 ▼	-79.8%	-78.5%	-77.3%	0.7 ▼	-63.6%	-59.0%	-66.3%
Bảo hiểm	123.9 ▼	-4.3%	1.1%	4.0%	64.4 ▼	-23.6%	-24.2%	-22.4%	2.4 ▲	52.0%	36.5%	34.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,675.0 ▼	-0.54%	-6.1%	15.5x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,454	-	15.4%	16.4x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	6,989 ▼	-0.53%	-19.2%	16.4x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,294 ▼	-0.79%	-0.1%	16.4x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,948 ▼	-0.84%	-1.7%	9.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,880	-	-2.2%	16.2x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,117	-	-2.0%	13.1x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	53,414 ▬	0.55%	6.1%	20.7x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,583	-	-3.8%	25.8x	5.1x
Dow Jones	Mỹ	46,505	-	-3.2%	23.1x	5.3x
FTSE 100	Anh	10,436	-	5.1%	16.6x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,693	-	-1.7%	16.6x	2.4x
DXY		99.9 ▼	-0.12%	1.6%		
USDVND		26,337 ▼	-0.023%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

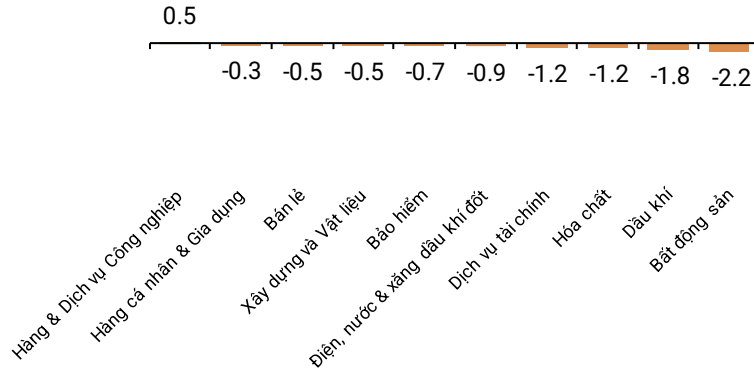
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.8%	16.7%	77.7%	64.9%
Dầu WTI	▼	-1.1%	21.4%	92.1%	78.0%
Khí gas	▲	1.7%	-10.6%	-22.7%	-25.8%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	0.0%	9.9%
Thép HRC (*)	▬	0.0%	1.7%	0.8%	-2.6%
PVC (*)	▬	0.0%	10.3%	20.5%	6.8%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	15.8%	84.0%	96.1%
Cao su thiên nhiên	▲	1.5%	3.9%	13.1%	12.1%
Bông Cotton	▼	0.0%	12.2%	10.3%	11.9%
Đường	▬	0.0%	6.4%	-0.1%	-20.4%
World Container Index	▬	0.0%	16.8%	3.4%	3.6%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.0%	18.6%	175.9%	227.2%
Vàng	▬	0.3%	-9.3%	8.6%	54.5%
Bạc	▬	0.388%	-13.3%	2.3%	147.8%

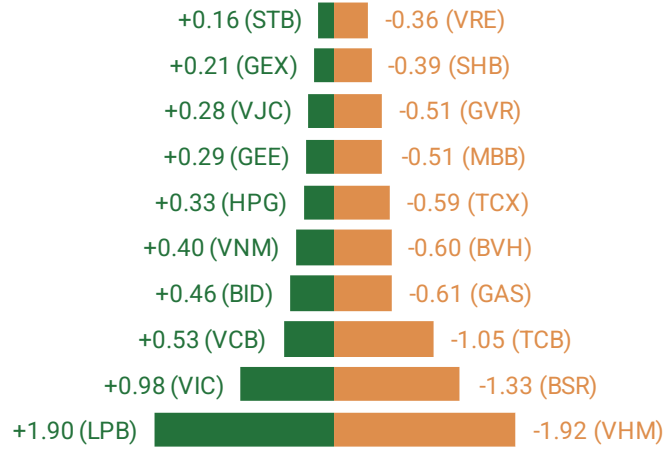
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

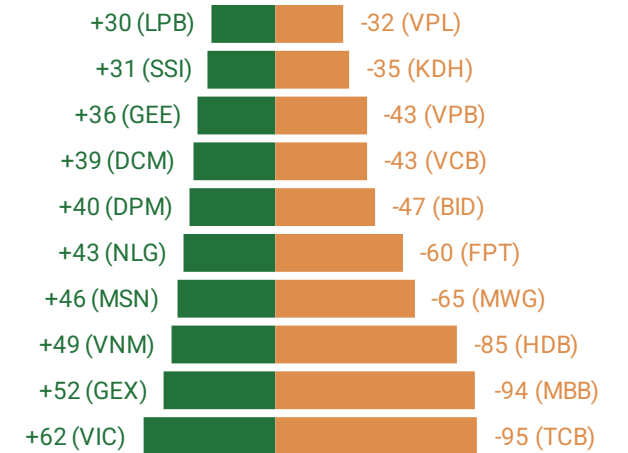


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

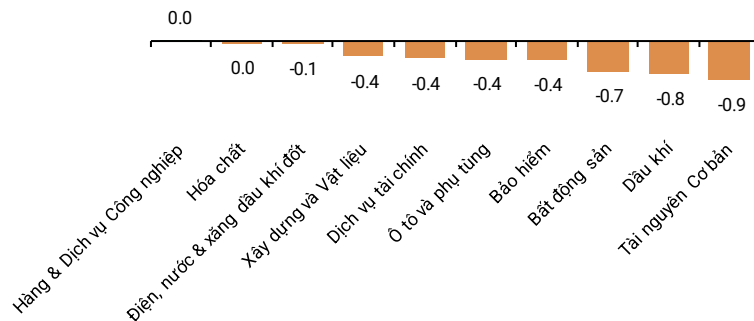


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

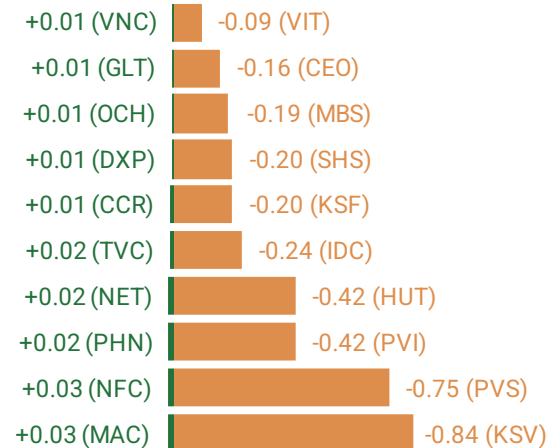
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



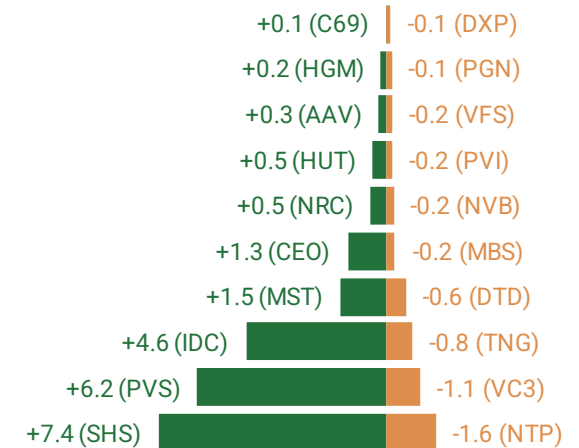
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



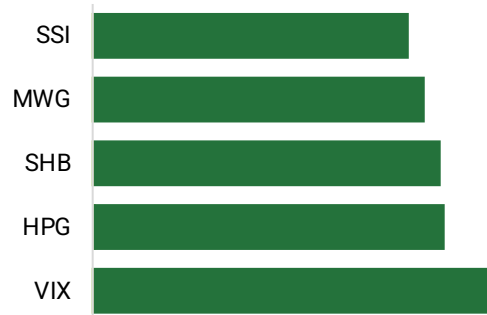
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



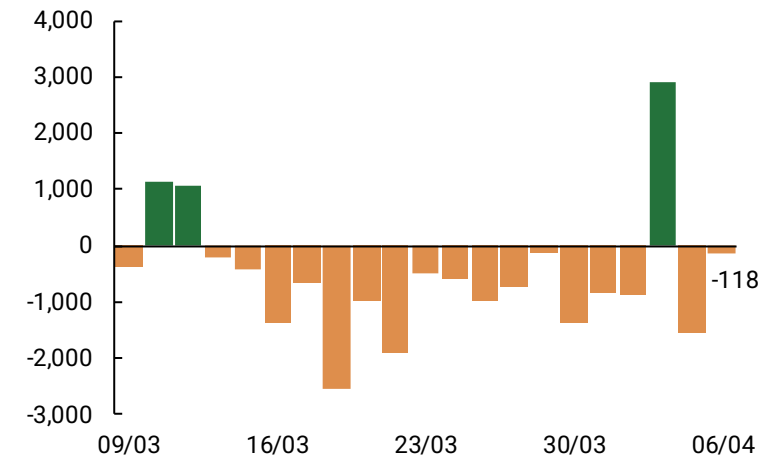
	VIX	HPG	SHB	MWG	SSI
%DoD	-2.2%	0.8%	-2.7%	-1.3%	-0.2%
Giá trị	596	530	525	502	478

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	STB	HPG	VIX	HCM	HDB
%DoD	0.7%	0.8%	-2.2%	-0.6%	0.0%
Giá trị	983	539	207	179	158

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



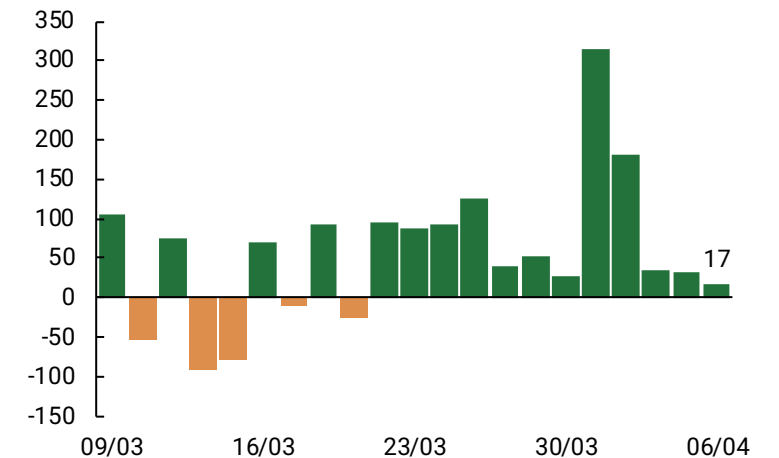
	PVS	SHS	CEO	MBS	TNG
%DoD	-6.4%	-2.4%	-3.0%	-2.5%	-1.8%
Giá trị	271	166	119	88	52

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	LHC	TPP	HUT	SHS	QHD
%DoD	0.7%	-2.9%	-4.2%	-2.4%	0.0%
Giá trị	35	10	4	1	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Shooting Star, vol dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 | 1580.
- ✓ Kháng cự: 1700 | 1760.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI phục hồi trong đà giảm.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Áp lực tiếp tục chi phối, thanh khoản cũng duy trì mức thấp hàm ý dòng tiền thận trọng. Khu vực 1680 – 1700 khả năng được củng cố thêm trong các phiên tới. Nếu vùng này được giữ vững sẽ thúc đẩy nhịp hồi tiếp tục hướng đến vùng 1750 – 1760 điểm. Tuy nhiên, cần lưu ý độ rộng thị trường đang phân kỳ với xu hướng. Chiều ngược lại, hỗ trợ duy trì động lượng được nâng lên quanh mức 1660 điểm, tín hiệu thoái lui dưới ngưỡng này có thể khiến đà tăng vi phạm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Shooting Star, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1790 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1860 | 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI phục hồi trong đà giảm.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Khu vực 1830 – 1850 khả năng tiếp tục được kiểm định trong các phiên tới. Nếu lực cầu vẫn giữ vững mốc này, nhịp hồi có thể hướng tới mục tiêu cao hơn là ngưỡng 1900 điểm. Hỗ trợ duy trì động lượng được nâng lên quanh mức 1800 điểm, tín hiệu thoái lui dưới ngưỡng này có thể khiến đà tăng vi phạm.

STOCK		STRATEGY	Technical				Financial Ratio	
Ticker	GEG	CUT LOSS	Current price	15.10		P/E (x)	9.1	
Exchange	HOSE		Action price	16.2		P/B (x)	1.2	
Sector	Conventional Electricity		Selling price	(7/4)	15.1 - 15.4	-6.2%	EPS	1663.2
						ROE	15.0%	
						Stock Rating	BB	
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá giảm dưới MA50 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI giảm về dưới ngưỡng trung bình.
 - Thanh khoản tăng cho thấy lực cung chủ động.
 - Rủi ro: Thị trường chung có dấu hiệu suy yếu có thể ảnh hưởng đến vận động cổ phiếu.
 - Khu vực quanh 15 là hỗ trợ ngắn hạn có thể xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật.
- Đà tăng vi phạm.
→ Khuyến nghị Cắt lỗ, có thể tận dụng nhịp hồi.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	GEG	Cắt lỗ	07/04/2026	15.05	15.1 - 15.4	-6.20%	21	15.38%	17	-6.59%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	NLG	Mua	01/04/2026	-	27.7	28.5 - 29	-3.8%	32	11.30%	26.8	-6.78%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1845.3, tăng 9.9 điểm (+0.5%). Giá biến động trong phiên theo cả 2 chiều và giữ thế giằng co quanh khu vực 1840 - 1850.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD duy trì dưới đường tín hiệu nhưng chỉ báo RSI có tín hiệu phục hồi lên ngưỡng trung bình, hàm ý trạng thái trung tính. Giá có thể tiếp tục rung lắc trong vùng 1830 - 1850 để kiểm định thêm xu hướng. Điểm vào lệnh nên chờ xác nhận giá thoát khỏi các biên sẽ tối ưu hơn. Theo đó, vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 1850. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1830.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1777.9, tăng 2.9 điểm (+0.2%). Độ lệch basis 16.9 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 28 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1760 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1785 điểm.

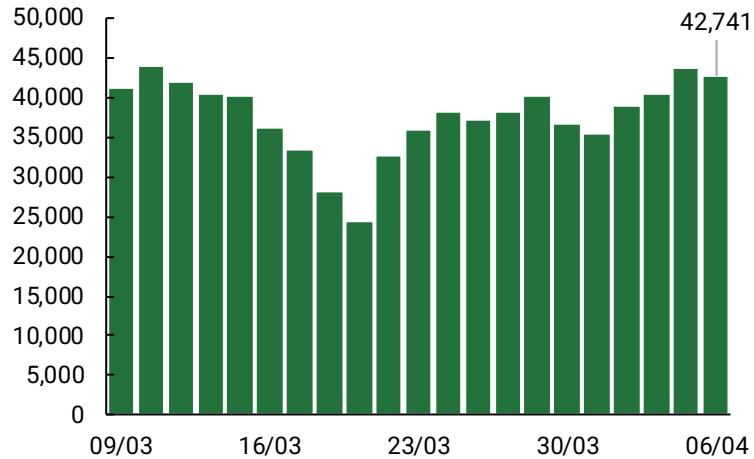
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1850	1865	1840	15 : 10
Short	< 1830	1816	1840	14 : 10

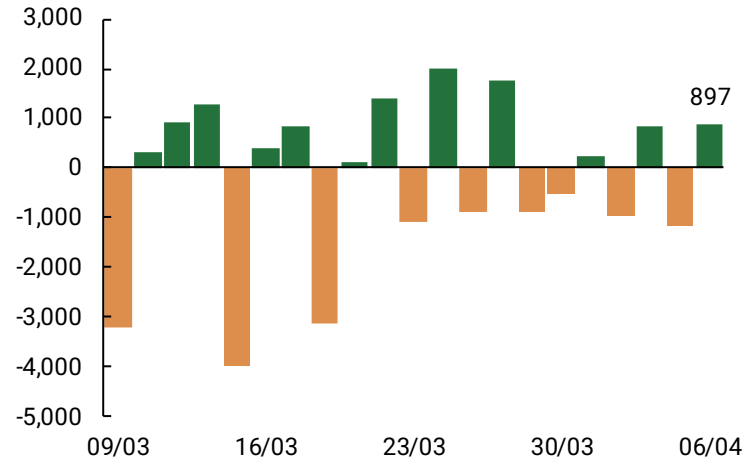
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,840.1	3.9	18	299	1,848.8	-8.7	17/09/2026	164
4111G6000	1,840.7	4.4	74	1,424	1,841.8	-1.1	18/06/2026	73
4111G5000	1,841.0	1.2	366	403	1,839.7	1.3	21/05/2026	45
4111G4000	1,845.3	9.9	268,320	42,741	1,837.0	8.3	16/04/2026	10
4112G4000	1,777.9	2.9	28	37	1,761.7	16.2	16/04/2026	10

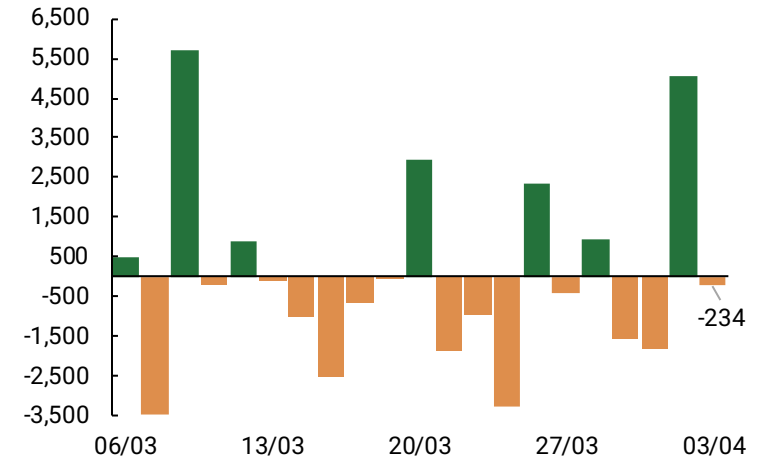
Khối lượng mở (Open interest)



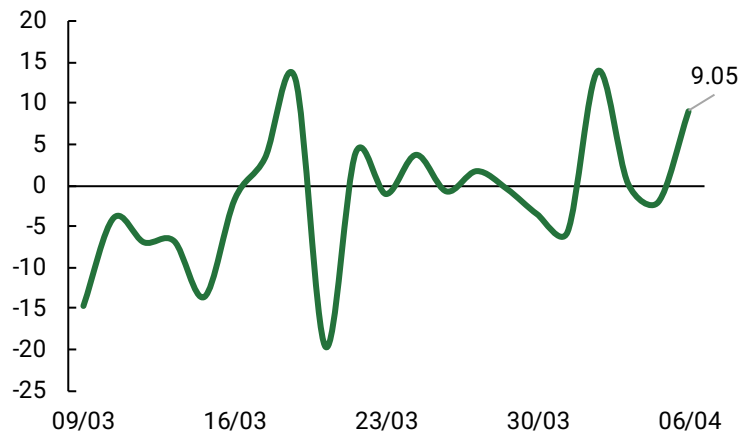
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



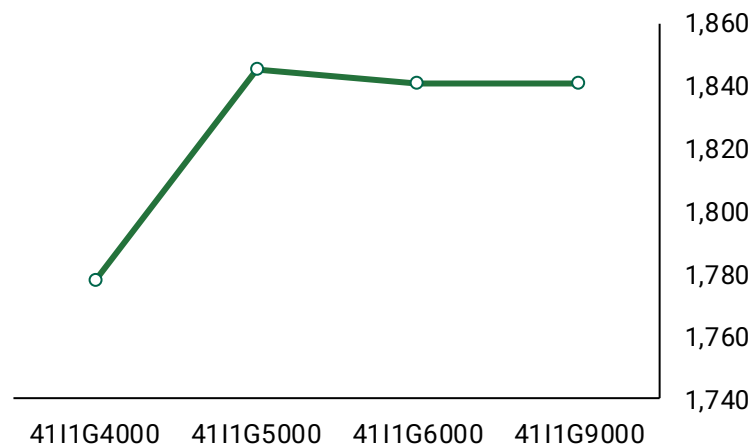
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



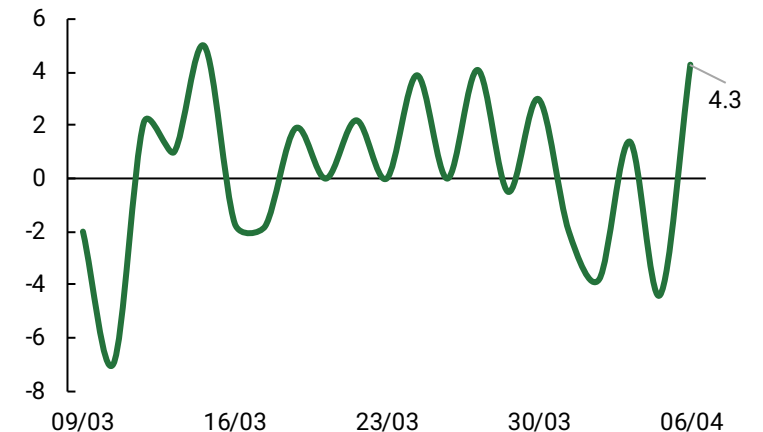
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



01/04	Vietnam & US - Chỉ số PMI
03/04	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
05/04	Hàng hóa - Cuộc họp OPEC-JMMC
06/04	Việt Nam - Dữ liệu kinh tế vĩ mô Mỹ - Thời hạn đàm phán Iran
07/04	Việt Nam - FTSE rà soát giữa kỳ
09/04	Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10/04	Mỹ - Chỉ số CPI, Chỉ số Tâm lý Người tiêu dùng Michigan
14/04	Mỹ - Chỉ số PPI
16/04	Việt Nam - Đáo hạn phái sinh Trung Quốc – GDP Quý 1
28/04	Nhật Bản - BOJ họp và công bố lãi suất
29 - 30/04	Mỹ - FED họp và công bố lãi suất Châu Âu - ECB họp và công bố lãi suất Canada - BOC họp và công bố lãi suất

THÔNG TIN VĨ MÔ

Ông Trump lùi hạn chót sang 7/4, đe dọa xóa sổ nhà máy điện của Iran: Tổng thống Mỹ Donald Trump đã đe dọa sẽ phá hủy mọi nhà máy điện của Iran nếu giới lãnh đạo nước này không đồng ý mở cửa Eo biển Hormuz vào tối 7/4 (theo giờ Mỹ). Trong những ngày gần đây, ông liên tục leo thang giọng điệu cứng rắn với Tehran. Đáp lại những lời đe dọa của Trump, ông Mohammad Bagher Ghalibaf, Chủ tịch Quốc hội Iran, cho rằng rằng con đường khả thi duy nhất với Mỹ là tránh leo thang căng thẳng hơn nữa.

OPEC+ lo ngại về những cuộc tấn công vào cơ sở hạ tầng năng lượng: Các thành viên chủ chốt trong OPEC+, dẫn đầu bởi Saudi Arabia và Nga, đã đạt được thỏa thuận về mặt nguyên tắc nhằm tăng sản lượng thêm khoảng 206,000 thùng mỗi ngày từ tháng Năm tới. Đây là mức tăng khiêm tốn và chủ yếu mang tính biểu tượng, do các thành viên chủ chốt trong liên minh không thể tăng sản lượng thực tế bởi cuộc chiến giữa Mỹ và Israel với Iran.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

FMC - Doanh thu Sao Ta giảm 29% trong quý I: Trong tháng 3, doanh thu đạt 19.05 triệu USD, giảm 19% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tôm thành phẩm sản xuất đạt 2,013 tấn, sản lượng tiêu thụ đạt 1,678 tấn, lần lượt giảm 21% và 17% so với cùng kỳ. Luỹ kế 3 tháng đầu năm, doanh thu Sao Ta ước đạt khoảng 50.3 triệu USD, giảm gần 29% so với 3 tháng đầu năm trước (hơn 70 triệu USD).

HDB - Mục tiêu lợi nhuận tăng 41% trong năm 2026: HDBank đặt mục tiêu đến cuối năm 2026, tổng tài sản đạt gần 1.2 triệu tỷ đồng, tăng 28% so với đầu năm. Tổng huy động dự kiến hơn 1 triệu tỷ đồng, tăng 28%. Vốn chủ sở hữu đạt 103,088 tỷ đồng, tăng 32%. Lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 30,100 tỷ đồng, tăng đến 41%. Lợi nhuận chưa phân phối được dùng để chia cổ tức 2025, đồng thời Ngân hàng dự kiến phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ, tổng tỷ lệ phát hành tương đương 30%.

DBC - Dabaco đặt mục tiêu lãi 1,117 tỷ đồng năm 2026, chia cổ tức 15%: Bước sang năm 2026, doanh nghiệp đặt kế hoạch doanh thu 29,311 tỷ đồng (bao gồm doanh thu nội bộ), lợi nhuận sau thuế 1,117 tỷ đồng. Dabaco tiếp tục theo đuổi chiến lược hoàn thiện chuỗi 3F+ (Feed – Farm – Food – Future), đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, DBC dự kiến sẽ chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 3% và phát hành hơn 46 triệu cổ phiếu trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12%.

NKG - Mục tiêu lợi nhuận tăng 66%, lên kế hoạch huy động gần 1,500 tỷ đồng: Nam Kim đang đặt cược mạnh mẽ vào chu kỳ đầu tư hạ tầng Việt Nam với kế hoạch tăng trưởng đột phá năm 2026, bao gồm doanh thu 22,000 tỷ đồng (tăng 49%) và lợi nhuận trước thuế 400 tỷ đồng (tăng 66%). NKG cũng dự kiến trình kế hoạch chào bán 125 triệu cp cho cổ đông hiện hữu với giá 12,000 đồng/cp, theo tỷ lệ 4:1. Toàn bộ số tiền gần 1,500 tỷ đồng huy động sẽ góp vốn vào dự án nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ với tổng mức đầu tư 4,500 tỷ đồng.

LCG - Lizen đặt mục tiêu doanh thu kỷ lục: Công ty đặt mục tiêu kinh doanh năm 2026 với doanh thu cao kỷ lục 5,000 tỷ đồng và lãi sau thuế 250 tỷ đồng, đều tăng 67% so với thực hiện 2025. Nguồn thu chủ lực vẫn đến từ các dự án hạ tầng giao thông. Song song với kế hoạch tăng trưởng, Lizen dự kiến chia cổ tức năm 2025 và 2026 cùng tỷ lệ 7%.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,500	65,400	-13.4%	Bán
BCM	67,300	73,400	9.1%	Nắm giữ
CTG	38,250	45,200	18.2%	Tăng tỷ trọng
CTD	88,600	87,050	-1.7%	Giảm tỷ trọng
CTI	24,250	27,200	12.2%	Tăng tỷ trọng
DBD	54,300	68,000	25.2%	Mua
DDV	31,198	35,900	15.1%	Tăng tỷ trọng
DGC	73,800	99,300	34.6%	Mua
DGW	51,200	48,300	-5.7%	Giảm tỷ trọng
DPG	47,200	53,100	12.5%	Tăng tỷ trọng
DPR	42,700	46,500	8.9%	Nắm giữ
DRI	13,508	17,200	27.3%	Mua
EVF	13,800	14,400	4.3%	Nắm giữ
FRT	169,000	157,600	-6.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	84,400	77,000	-8.8%	Giảm tỷ trọng
HAH	62,800	67,600	7.6%	Nắm giữ
HDG	27,300	34,500	26.4%	Mua
HHV	12,500	12,300	-1.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,800	34,300	19.1%	Tăng tỷ trọng
IMP	54,000	55,000	1.9%	Nắm giữ
KDH	27,250	38,800	42.4%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MSH	39,250	43,100	9.8%	Nắm giữ
MWG	93,100	99,600	7.0%	Nắm giữ
NLG	27,850	39,900	43.3%	Mua
NT2	27,750	27,700	-0.2%	Giảm tỷ trọng
PHR	63,100	72,800	15.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	121,900	113,300	-7.1%	Giảm tỷ trọng
PVS	47,400	39,900	-15.8%	Bán
PVT	24,050	18,900	-21.4%	Bán
SAB	48,400	57,900	19.6%	Tăng tỷ trọng
SSI	32,400	39,200	21.0%	Mua
TLG	54,500	53,400	-2.0%	Giảm tỷ trọng
TCB	36,250	35,650	-1.7%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,700	37,900	41.9%	Mua
TRC	78,500	94,800	20.8%	Mua
VCB	64,900	84,200	29.7%	Mua
VPB	28,950	37,000	27.8%	Mua
VCG	19,150	26,200	36.8%	Mua
VHC	61,500	60,000	-2.4%	Giảm tỷ trọng
VNM	68,200	66,650	-2.3%	Giảm tỷ trọng
VSC	25,900	17,900	-30.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415